

# MỘT SỐ BIỆN PHÁP TĂNG CƯỜNG KHẢ NĂNG TỰ HỌC CHO SINH VIÊN KHI HỌC THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM NGHỆ AN

Phạm Thanh Vinh - Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An

Ngày nhận bài: 04/06/2018; ngày sửa chữa: 13/06/2018; ngày duyệt đăng: 19/06/2018.

**Abstract:** With credit training system, self-study ability is required for students to gain achievements in studying. In fact, self-study skills of students are still limited and do not meet requirements of the reality. Therefore, in this article, author proposes some measures to promote self-study ability of students under credit training system in Nghe An College of Education.

**Keywords:** Credit training system, self-study ability, teacher training.

## 1. Mở đầu

Hoạt động tự học (TH) của sinh viên (SV) là hoạt động nhận thức cá nhân, nhằm nắm vững hệ thống tri thức và kỹ năng (KN) nghề nghiệp do chính bản thân người học tiến hành ở trên lớp, ngoài giờ lên lớp hoặc tiếp cận với cách học phổ biến kiến thức từ xa trên phương tiện thông tin hiện đại.

Trong chiến lược phát triển giáo dục (GD), hệ thống các trường đại học, cao đẳng đang thực hiện chương trình đào tạo (ĐT) theo học chế tín chỉ (HCTC) thì TH có ý nghĩa rất lớn đối với SV. Vì phương thức ĐT theo HCTC có tính chất linh động hơn nhiều so với học niên chế. Sự linh động này thể hiện ở chỗ SV tự quyết định tiến độ học tập, tốc độ tích lũy tín chỉ, được quyền lựa chọn đăng kí các học phần... Phương thức ĐT theo HCTC vẫn giữ nguyên lượng kiến thức chuyên ngành mà SV phải tích lũy, song thời lượng các tiết học lại giảm xuống. Điều này đồng nghĩa với việc thời gian đứng lớp của giảng viên (GV) sẽ ít hơn. GV đóng vai trò là người định hướng

và chỉ có thể trao đổi với SV những nội dung cơ bản của môn học. Những vấn đề còn lại sẽ được giao lại cho SV hoàn thành tại nhà bằng các bài tập, bài thuyết trình, thảo luận nhóm hoặc làm tiểu luận. Do đó, muốn hiểu sâu, hiểu rộng hay nắm chắc khối lượng kiến thức cần thiết, SV phải tăng cường thời gian TH của mình.

TH là nhân tố thúc đẩy quá trình GD, thể hiện rõ nét ý thức tự GD của SV trong cuộc sống. Quá trình học tập của SV ở các trường đại học, cao đẳng về bản chất là quá trình nhận thức có tính chất nghiên cứu, tính chất nghề nghiệp.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Thực trạng tự học của sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An

Để đánh giá thực trạng, năm học 2017-2018, chúng tôi đã khảo sát 10 tiêu chí trên 98 SV Trường Cao đẳng Sư phạm (CĐSP) Nghệ An và thu được kết quả sau đây (xem bảng):

Bảng. Thực trạng tự học của SV Trường CĐSP Nghệ An

TT	Các biểu hiện tự học của SV	Mức độ					
		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Chưa bao giờ	
		Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập cho bản thân	5	5,1	46	46,9	47	48,0
2	Học thêm các khóa ĐT KN liên quan đến chuyên ngành, tham gia câu lạc bộ chuyên môn	3	3,0	72	73,5	23	23,5
3	Học theo nhóm, truy bài lẫn nhau	0	0,0	26	26,5	72	73,5
4	Hỏi GV các vấn đề liên quan đến chuyên môn	2	2,0	50	51,2	46	46,9
5	Tự nghiên cứu chuyên ngành qua các kênh thông tin, tài liệu học tập	25	25,5	73	74,5	0	0
6	Sử dụng >4h mỗi ngày để TH	31	31,6	67	68,4	0	0,0

7	Luôn chủ động học kể cả ở trên lớp và ở nhà	8	8,2	80	81,6	10	10,2
8	Có giáo trình, tài liệu học tập đầy đủ	98	100	0	0,0	0	0,0
9	Thường ghi chép bài khi học	37	37,8	61	62,5	0	0,0
10	Đọc sách và ghi kết quả bằng bản đồ tư duy	9	9,2	89	90,8	0	0,0

Qua nghiên cứu và thực tế giảng dạy, chúng tôi thấy rằng: Hầu hết SV đều hiểu và đánh giá cao vai trò quan trọng của TH. Tuy nhiên, thực tế hoạt động TH của SV vẫn còn nhiều hạn chế. Bên cạnh một số em có tinh thần, thái độ, KN TH tốt, vẫn còn nhiều SV có tinh thần, thái độ, KN TH còn chưa tốt. Sức ỳ và tính thụ động của SV còn rất lớn, hoạt động TH vẫn còn mang tính hình thức, đối phó với các bài kiểm tra để có điểm quá trình và vượt qua được kì thi. Mặc dù 100% SV đều có tài liệu học tập nhưng hiệu quả sử dụng chưa cao. Các tiêu chí khảo sát cơ bản chỉ đạt mức tinh thoáng. Như vậy, phần nhiều SV thiếu chủ động trong học tập, còn quen với việc tiếp thu kiến thức có sẵn từ GV. Ngoài ra, còn nhiều yếu tố mà SV chưa chủ động như sử dụng thời gian, tài liệu học tập, tổ chức học tập ở lớp, ở nhà, nhóm bạn học tập, sử dụng các phương tiện hỗ trợ cho học tập.

## 2.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tự học theo học chế tín chỉ

### 2.2.1. Các yếu tố khách quan:

- *Nội dung chương trình ĐT*: Khối lượng tri thức ngày càng lớn, thời gian ĐT không tăng (thậm chí giảm), nhiều chương trình ĐT còn có bất cập, đổi mới nhưng chưa toàn diện, đòi hỏi SV phải tăng cường TH.

- *Phương pháp giảng dạy của GV*: Nhiều GV chưa phát huy tối đa hiệu quả tích cực của từng phương pháp dạy học. Muốn phát huy được khả năng TH cho SV thì GV phải thay đổi cách dạy nhằm phát huy tính tự giác tích cực, độc lập của SV trong quá trình ĐT.

- *Phong trào TH trong tập thể*: Bầu không khí TH trong tập thể có vai trò rất quan trọng trong việc hình thành động cơ và ý thức TH trong SV. Sống trong tập thể, mỗi cá nhân sẽ thấy xấu hổ nếu thua kém bạn bè, sẽ băn khoăn khi sử dụng thời gian một cách lãng phí.

- *Đánh giá kết quả học tập*: Việc đánh giá chính xác, chân thực với nội dung và hình thức, phù hợp với mục tiêu, yêu cầu ĐT sẽ có tác dụng trực tiếp tới SV. Từ đó họ tự tìm ra nguyên nhân, đề ra những giải pháp để việc học có hiệu quả.

- *Các phương tiện hỗ trợ hoạt động TH*: Tài liệu, máy tính, cơ sở thực hành... thiếu, SV sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc tích lũy tri thức, mở rộng hiểu biết, sẽ thiếu căn cứ cho những khám phá, sáng tạo của bản thân, tốn nhiều thời gian công sức để bổ sung vào vốn kinh nghiệm của mình.

- *Sự quan tâm, tác động của gia đình*: Đây là yếu tố có tác dụng tạo động lực mạnh mẽ cho SV. Thực tế, nếu có sự sẻ chia về mặt tinh thần và cả vật chất từ phía gia đình sẽ tạo thuận lợi hơn cho SV trong học tập. Gia đình nếu làm tốt vai trò của mình sẽ là điểm tựa vững chắc cho con cái, từ đó tạo tâm lý thoải mái, giúp SV có động lực TH tốt hơn.

### 2.2.2. Các yếu tố chủ quan:

- *Mục đích TH*: chiếm lĩnh hệ thống tri thức, rèn KN nghề nghiệp để có thể phục vụ cho học tập và sự nghiệp sau này. Đồng thời, rèn luyện thói quen tự giác, độc lập, khả năng tìm tòi, sáng tạo khoa học...

- *Động cơ TH*: nhằm thỏa mãn nhu cầu học tập là hoàn thành các nhiệm vụ học tập bắt buộc mà SV phải hoàn thành trong thời gian nhất định. Vì vậy, họ sẽ tích cực, chủ động, có kế hoạch cụ thể.

- *Phương pháp TH*: Nếu người học rèn được thói quen phương pháp, KN TH thì sẽ tạo cho họ lòng ham học hỏi, khơi dậy tiềm năng vốn có của mỗi người, đưa đến kết quả học tập tốt hơn.

- *KN TH*: Để TH đạt kết quả, SV phải có những KN ghi chép, KN đọc sách, KN tự nghiên cứu, hệ thống hóa bài học,... SV phải biết vận dụng, phối hợp các KN phù hợp với từng môn học.

- *Ý chí khắc phục khó khăn trong TH*: Để việc học đạt kết quả, đòi hỏi SV phải có ý chí, quyết tâm, phấn đấu, nỗ lực khắc phục khó khăn để thực hiện đến cùng mục đích đặt ra.

- *Sức khỏe cá nhân*: Học là công việc đòi hỏi cá nhân phải hoạt động trí lực, tiêu hao phần lớn năng lượng thần kinh. Do đó, SV phải đảm bảo có một cơ thể khỏe mạnh với tinh thần sáng khoái và trí tuệ minh mẫn. Nếu SV đau ốm, bệnh tật thì việc học tập gặp nhiều khó khăn.

## 2.3. Các biện pháp tăng cường khả năng tự học cho sinh viên khi học theo học chế tín chỉ

### 2.3.1. Bồi dưỡng kỹ năng tự học:

- Khi mới vào đầu năm thứ nhất, cố vấn học tập, nhà trường cần GD ý thức và KN TH cho SV thông qua buổi thảo luận về vai trò của hoạt động TH, về phương pháp TH ở bậc đại học khi học theo HCTC.

- Tiết đầu môn học, GV cần hướng dẫn về phương pháp học môn mình dạy, giúp SV có KN TH phù hợp với bộ môn để học môn đó tốt hơn.

- GD ý thức TH cho SV thông qua các tấm gương điển hình, những nhân vật nổi tiếng về ý chí nghị lực vượt khó trong học tập.

- GD ý thức lập kế hoạch học tập thường xuyên và rèn luyện KN lập kế hoạch hiệu quả: Học tập theo hệ thống ĐT theo HCTC đòi hỏi SV phải chủ động tự giác và tích cực trong việc học của chính bản thân, vì thời lượng học ở nhà nhiều hơn số tiết ở lớp của mỗi tín chỉ. Mặt khác, nhà trường quản lý lớp theo tín chỉ nên không chặt chẽ bằng kiểu quản lý theo biên chế lớp truyền thống. Vì thế, việc lập kế hoạch đối với SV là rất cần thiết, giúp SV làm chủ thời gian, nhất là khi có gì bất lợi xảy ra. Một kế hoạch học tập tốt như chiếc phao cứu hộ. Mỗi SV cần cứ vào năng lực, nhu cầu và hoàn cảnh thực tế của mình để lập một kế hoạch riêng. Kế hoạch đó có thể thay đổi khi cần, nhưng điều quan trọng nhất là phải nghiêm túc, quyết tâm và tuân thủ thực hiện kế hoạch đã đề ra.

Khi lập kế hoạch, SV cần có KN quản lý thời gian, đó là sắp xếp, phân bổ, quy hoạch quỹ thời gian của mình một cách cụ thể, hiệu quả, khoa học cho hoạt động học tập, ngoại khóa, giải trí, làm thêm, về quê... nhằm đảm bảo thời gian cho TH hiệu quả, đáp ứng được mục tiêu đề ra. SV cần lập kế hoạch dài hạn và ngắn hạn.

Kế hoạch dài hạn: SV cần hệ thống hóa lượng công việc phải thực hiện cho cả khóa học. Đó là nắm tổng thể chương trình ĐT, nắm rõ số lượng, nội dung các học phần tương ứng với số tín chỉ được phân bổ ở các học kì trong chương trình ĐT làm cơ sở dự trù thời gian hợp lý cho các hoạt động. Chú ý đến các mốc thời gian sự kiện quan trọng để hoạch định thời gian như thi học kì, học các học phần ở học kì hè, kiến tập, thực tập, khóa luận hoặc thi tốt nghiệp...

Kế hoạch ngắn hạn: SV cần tiến hành theo các bước như: + Liệt kê kế hoạch công việc cần thực hiện trong ngày/tuần và quyết tâm thực hiện; + Dựa vào kế hoạch đã lên để triển khai nhiệm vụ; + Linh hoạt điều chỉnh các hoạt động phát sinh hàng ngày, luôn có quỹ thời gian dự phòng để thực hiện tốt các đầu việc.

Để quản lý thời gian hiệu quả, có thể sử dụng các công cụ quản lý thời gian để hỗ trợ như dùng sổ tay liệt kê các việc phải thực hiện tương ứng với khoảng thời gian nhất định đã đề ra, có kiểm tra lại, có đánh dấu việc đã làm xong, việc chưa làm được, chưa hiệu quả, hướng xử lý tiếp theo... Hoặc tiếp cận sử dụng phần mềm xây dựng thời gian biểu như Google Calendar... giúp lên lịch công việc dễ dàng và sử dụng các thiết bị như điện thoại, ipad... để nhắc nhở trước thời gian công việc diễn ra. Những điều này giúp SV có thể kiểm soát thời gian TH một cách hiệu quả.

2.3.2. *Đối với sinh viên sư phạm của tất cả các chuyên ngành đều phải tự rèn nghề:*

- Bên cạnh việc học ở trên lớp, SV ở nhà phải tự lên mạng tìm hiểu học hỏi qua các bài viết, các video về cách soạn giáo án, tập dạy, hoạt động nghệ thuật, cách làm đồ dùng dạy học, tìm hiểu về bậc học và đặc điểm học sinh mà sau này mình sẽ dạy... nhằm có kiến thức vững vàng sâu sắc để bổ sung cho lí luận và tăng cường giữa việc học đi đôi với hành.

- Phải tích cực quan sát trẻ em, ứng dụng những kiến thức đã học để phân tích, đánh giá các biểu hiện của trẻ, từ đó sẽ làm cho kiến thức nghề nghiệp của mình vững chắc hơn.

- Suu tầm, nghiên cứu các loại hồ sơ, tài liệu về bậc ĐT... nhằm có kiến thức tổng quát về bậc học sau này mình sẽ dạy, để từ đó học hỏi, áp dụng nâng cao chất lượng học tập và luyện nghề cũng như thực hành nghề sau khi ra trường.

- Tích cực mạnh dạn tham gia vào các cuộc thi như nghiệp vụ sư phạm, SV tài năng... Đó cũng là những cơ hội để SV tự kiểm tra và rèn luyện năng lực nghề cho bản thân.

*Ngoài ra, SV cần tự rèn luyện một số năng lực đáp ứng yêu cầu của từng chuyên ngành, cụ thể như:*

*SV Khoa GD mầm non:* TH thêm đàn, múa, dance, thủ công, mỹ thuật, cách làm đồ dùng, đồ chơi, các trò chơi cho trẻ mầm non...

*SV Khoa Ngoại ngữ:* + Ngoài việc học trên lớp, SV cần chủ động trau dồi các KN nghe, nói, đọc, viết bằng cách tự lên mạng học theo tài liệu hướng dẫn; + Cần mạnh dạn sử dụng ngôn ngữ Anh trong mọi điều kiện có thể như giữa các SV ngành Ngôn ngữ Anh với nhau và với GV ngành Ngôn ngữ Anh, giao lưu trò chuyện với người nước ngoài nói tiếng Anh; + Nghe bài hát, thời sự, xem phim... bằng tiếng Anh; + Tham gia các Câu lạc bộ (CLB) Tiếng Anh.

*SV Khoa GD thể chất - Nghệ thuật:* + TH và rèn luyện thực hành thêm các bộ môn phù hợp với chuyên ngành ĐT ở ngoài giờ lên lớp như bóng rổ, bơi lội, dance, gym... đặc biệt là các bộ môn nghệ thuật mà trong chương trình ĐT không có; + Tự thành lập các CLB thể dục nghệ thuật và thu hút các thành viên có năng khiếu tham gia vào CLB của mình như: CLB cầu lông, CLB bóng bàn, CLB gym, CLB khiêu vũ thể thao, CLB bóng rổ, CLB võ thuật, CLB hát dân ca...

*SV Khoa Trung học cơ sở và Tiểu học:* + Tự suu tầm và giải các bài tập ở phổ thông theo đúng phương pháp giải của chuyên ngành ĐT; + Thành lập các câu lạc bộ như: CLB bạn yêu Toán học, CLB bạn yêu Văn học, CLB IT... Đây sẽ là các diễn đàn trao đổi chuyên môn

giúp SV tự nâng cao được kiến thức, vững vàng trong thực hành nghề nghiệp sau khi ra trường.

### 2.3.3. Tổ chức rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm kết hợp với thảo luận toàn lớp cho sinh viên

Trong các phương thức học tập hiệu quả theo HCTC, thì hoạt động nhóm được đánh giá là phương pháp học tập tích cực. Thông qua làm việc nhóm kết hợp với tổ chức thảo luận làm cho việc học tập của SV trở nên linh hoạt, không cứng nhắc, rập khuôn máy móc, tạo không gian hoạt động đa dạng, dễ thay đổi, nâng cao khả năng tương tác giữa SV với GV, và giữa SV với SV. Hình thức này có tác dụng tạo ra môi trường học tập đa thông tin cho SV, để họ tự nghiên cứu và bộc lộ năng lực và kết quả nghiên cứu cá nhân, tự kiểm tra, tự đánh giá kết quả học tập, thông qua đó học được KN thực hành, KN hợp tác, cộng tác, và học cách tương tác trong quá trình lĩnh hội tri thức.

### 2.3.4. Để rèn kỹ năng tự học cho sinh viên, giảng viên cần đổi mới phương pháp dạy học

Việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực trong dạy học theo HCTC là GV gợi mở, nêu vấn đề, giảm thời gian diễn giảng, tăng cường trao đổi, thảo luận, đối thoại với SV, giúp họ tự đi tìm chân lí sẽ phát huy tính tích cực TH của mình.

Để làm theo phương pháp này, đòi hỏi GV phải nghiên cứu kĩ tài liệu, nắm vững hệ thống, tìm điểm mấu chốt để phân tích, trình bày, hướng dẫn SV đọc tài liệu, tập phân tích, đánh giá, nêu ý kiến riêng về vấn đề mà tài liệu đề cập. Như thế, SV tự mình nhận thức, suy nghĩ, tập phê phán, phân biện có căn cứ khoa học chứ không thừa nhận một cách giản đơn. Phương pháp dạy này khuyến khích SV nêu thắc mắc, nêu các vấn đề từ thực tiễn, phối hợp nỗ lực của tập thể cùng tìm tòi chân lí, tạo ra bầu không khí thoải mái, dân chủ trong thảo luận, tạo tính tự tin trước đám đông, giúp SV rèn luyện KN trình bày, tự điều khiển một buổi thảo luận khoa học có sự hỗ trợ của GV. Khi được GV gợi mở, họ sẽ tự nhận thức, tự phát hiện, tự khám phá vấn đề và giải quyết được các vấn đề khoa học theo định hướng của GV. Điều này giúp chứng minh triết lí ĐT theo HCTC đó là “lấy người học làm trung tâm của quá trình ĐT”; “GD hướng về người học”.

### 2.3.5. Xác định đúng đắn việc học ở đại học chính là quá trình tự nghiên cứu

Ở bậc đại học, trong quá trình học tập, SV phải tự mình chiếm lĩnh tri thức, KN để nắm vững cơ sở nghề nghiệp tương lai và có tiềm năng vươn lên thích ứng với những yêu cầu trước mắt và lâu dài do thực tiễn đặt ra. Muốn vậy, khi tiến hành học tập, mỗi SV không chỉ có

năng lực nhận thức thông thường mà cần tiến hành hoạt động nhận thức mang tính chất nghiên cứu trên cơ sở khả năng tư duy độc lập, sáng tạo, phát triển ở mức độ cao. Mặt khác, trong quá trình học tập SV bắt đầu thực sự tham gia hoạt động tìm kiếm mới. Đó là hoạt động tập dượt nghiên cứu khoa học được tiến hành ở các mức độ từ thấp đến cao tùy theo yêu cầu của chương trình. Hoạt động nghiên cứu khoa học này giúp SV từng bước tập vận dụng những tri thức khoa học, phương pháp luận khoa học, những phẩm chất, tác phong của nhà nghiên cứu nhằm góp phần giải quyết một cách khoa học những vấn đề do thực tiễn xã hội, thực tiễn nghề nghiệp đặt ra.

## 3. Kết luận

Mục tiêu của ĐT theo HCTC là tạo ra những con người năng động, sáng tạo, chủ động, tích cực. Đó cũng là mục tiêu của GD Việt Nam. Muốn học được theo HCTC thì TH là yếu tố hàng đầu để quyết định hiệu quả học tập của chính bản thân người học. Trong chương trình ĐT theo HCTC, muốn có kết quả tốt, SV cần có KN TH phù hợp. Kết quả khảo sát thực trạng cho thấy hoạt động TH của SV vẫn còn nhiều hạn chế, do nhiều nguyên nhân khác nhau. Vì thế, bài viết này đề xuất các biện pháp cần thiết nhằm góp phần tăng cường khả năng TH cho SV trong ĐT theo HCTC hiện nay.

## Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2007). *Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 ban hành Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*.
- [2] Lê Khánh Bằng (1994). *Phương pháp tự học*. NXB Giáo dục.
- [3] Nguyễn Kì (1998). *Tự đào tạo để dạy học*. NXB Giáo dục.
- [4] Phạm Trung Thanh (1999). *Phương pháp học tập nghiên cứu của sinh viên cao đẳng đại học*. NXB Giáo dục.
- [5] Nguyễn Cảnh Toàn (2001). *Tuyển tập tác phẩm: Tự giáo dục, tự học, tự nghiên cứu*. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây.
- [6] Nguyễn Cảnh Toàn (2010). *Học để đuổi kịp và vượt*. NXB Lao động.
- [7] Thái Duy Tuyên (2010). *Phương pháp dạy học truyền thống và đổi mới*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [8] Học viện Quản lý giáo dục (2015). *Việc áp dụng học chế tín chỉ - thế giới và ở Việt Nam*. Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trường đại học, cao đẳng, tr 295-310.